

MỘT SỐ HẠN CHẾ VÀ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA MÔ HÌNH NUÔI CÁ BÈ KẾT HỢP VỚI DU LỊCH TẠI LÀNG BÈ NUÔI CÁ THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

• Nguyễn Công Tráng^(*)

Tóm tắt

Bên cạnh những lợi ích to lớn đạt được, mô hình nuôi cá bè kết hợp với du lịch tại Mỹ Tho đang gặp phải một số hạn chế nhất định. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những hạn chế chủ yếu của mô hình là cá nuôi chậm lớn (96,77%), gia tăng sự ô nhiễm nguồn nước (12,9%) và mất trộm tài sản (9,65%). Những hộ nuôi cá cũng đề xuất một số giải pháp góp phần khắc phục các mặt tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động của mô hình trong thời gian tới như can thiệp kỹ thuật vào quy trình nuôi cá, thay đổi phương thức hoạt động của các dịch vụ và nâng cao ý thức của du khách. Đây là nghiên cứu đầu tiên về mô hình nuôi cá bè kết hợp với du lịch tại Tiền Giang.

Từ khóa: Cá bè, du lịch, Mỹ Tho, nuôi cá.

1. Đặt vấn đề

Trong thực tiễn và nhiều nghiên cứu cho thấy sự kết hợp giữa du lịch với hoạt động sản xuất đã đem lại hiệu quả cao về nhiều mặt [2], [3], [9]. Nó góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, giới thiệu với du khách những làng nghề truyền thống, những thắng cảnh và các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến. Sự kết hợp này không những mang về lợi nhuận cho các công ty du lịch mà còn góp phần tăng thêm nguồn thu nhập cho người dân, nhất là những người sản xuất nông nghiệp và những người hoạt động tại các làng nghề truyền thống [1], [7], [8]. Tại Tiền Giang, đã có nhiều hình thức du lịch kết hợp với sản xuất mang lại hiệu quả rõ rệt trong thời gian qua. Một số mô hình tiêu biểu là: du lịch tham quan vườn cây ăn trái ở Cai Lậy và Cái Bè; mô hình kết hợp với sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thực phẩm tại các làng nghề như dệt chiếu ở Long Định - Châu Thành, đóng tủ thờ ở Tân Trung - thị xã Gò Công, sản xuất bánh phồng sữa ở Cái Bè, sấy cá khô ở Vàm Láng - Gò Công Đông, sản xuất hủ tiếu ở Mỹ Phong - Mỹ Tho, sản xuất nón Bàng Buông ở Thân Cửu Nghĩa - Châu Thành [6].

Là trung tâm của tỉnh Tiền Giang, Mỹ Tho không chỉ đẩy mạnh phát triển công nghiệp, thương mại mà còn quan tâm phát triển kinh tế nông nghiệp như nuôi cá lồng bè. Mô hình nuôi cá bè ở Mỹ Tho thời gian qua đã góp phần tạo ra việc làm cho người dân, tăng thêm thu nhập, cải thiện kinh tế rõ rệt cho nhiều nông hộ. Bên cạnh nghề nuôi cá,

du lịch cũng là một thế mạnh của Mỹ Tho, hiện có nhiều công ty đang khai thác dịch vụ tại đây như Công ty Du lịch Mekong, Công ty Du lịch Tiền Giang, Công ty Du lịch Bến Tre, Công ty Du lịch Chương Dương... Hoạt động du lịch sinh thái đã mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân, doanh nghiệp, góp phần quảng bá hình ảnh Mỹ Tho với du khách trong và ngoài nước [4]. Du lịch ở Mỹ Tho chủ yếu là kết hợp với nuôi cá lồng bè (gọi tắt là “mô hình”). Thời gian qua, hoạt động của “mô hình” này đã mang lại lợi nhuận cho các công ty du lịch, nâng cao thu nhập và cải thiện kinh tế gia đình cho nhiều nông hộ nuôi cá. “Mô hình” đã cung cấp cho du khách những giây phút thư giãn sau những giờ làm việc mệt nhọc, những thú vui tao nhã như câu cá giải trí, chèo thuyền trên sông, thưởng thức các món ăn ngon từ cá, đàn ca tài tử trên bè cá [5]. Tuy nhiên, bên cạnh các lợi ích to lớn đạt được, thì “mô hình” này cũng đang gặp phải một số khó khăn nhất định và chưa thể nhân rộng, mà nguyên nhân chủ yếu thì chưa được xác định một cách rõ ràng; vì thế việc khảo sát ý kiến của người nuôi cá về những hạn chế của “mô hình” để phân tích, đánh giá là điều cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở dữ liệu quan trọng, giúp các cơ quan chức năng đề ra những giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và nhân rộng mô hình nuôi cá bè kết hợp với du lịch trong thời gian tới tại Mỹ Tho.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng số liệu thu thập từ tháng 3 - 9/2016, thông qua các cuộc điều tra trực tiếp 2 nhóm hộ nuôi cá bè (nhóm hộ nuôi cá chưa kết hợp

^(*) Trường Đại học Tiền Giang.

với du lịch và nhóm hộ nuôi cá đã kết hợp với du lịch) bằng bảng câu hỏi soạn sẵn. Tổng cộng có 62 hộ (14 hộ nuôi cá bè đã kết hợp với du lịch, 48 hộ nuôi cá chưa kết hợp với du lịch) tham gia phỏng vấn và được chọn một cách ngẫu nhiên. Địa bàn nghiên cứu là xã Thới Sơn và phường Tân Long của thành phố Mỹ Tho. Các câu hỏi tập trung vào ý kiến chủ quan của người nuôi cá về những tồn tại của “mô hình”, cũng như các ý kiến đề xuất của các nông hộ để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của “mô hình” trong tương lai. Mức độ của các hạn chế trong “mô hình” được người dân đánh giá bằng cách cho điểm từ 1 đến 3 (tăng theo chiều tăng dần của chúng) theo hiểu biết cá nhân của họ về các vấn đề có liên quan. Nhóm nghiên cứu cũng sử dụng thêm phương pháp trực quan để kiểm chứng thông tin và bổ sung dữ liệu. Số liệu thu thập được mã hóa, phân tích bằng phần mềm Excel 2010 và SPSS 16.0; trong đó sử dụng các thống kê mô tả, xếp hạng và phân tích ANOVA 1 yếu tố.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Những hạn chế của “mô hình”

3.1.1. Ý kiến chung về những hạn chế của “mô hình”

Bên cạnh những lợi ích to lớn mà “mô hình” đã mang lại cho các hộ dân như cá nuôi bán được giá cao hơn, tăng thu nhập từ các hoạt động dịch vụ, có tiền từ sự chi trả của các công ty du lịch, giao lưu văn hóa, thư giãn và quảng bá nghề nghiệp thì “mô hình” cũng đang gặp phải một số khó khăn (hạn chế) nhất định. Kết quả điều tra cho thấy, “mô hình” đang gặp phải một số hạn chế như cá nuôi bị chậm lớn, làm gia tăng ô nhiễm nguồn nước, mất trộm tài sản tại bè nuôi của chủ hộ và phát sinh các vấn đề về an ninh trật tự xã hội (Bảng 1).

Bảng 1. Những hạn chế của “mô hình”

Những hạn chế của “mô hình”	Số hộ chọn	Tỷ lệ (%)
Cá nuôi chậm lớn	60	96,77
Tăng sự ô nhiễm nước	8	12,9
Mất trộm tài sản	6	9,68
Phát sinh các vấn đề về an ninh trật tự	4	6,45
Hạn chế khác	2	3,22
Số hộ không biết mô hình có hạn chế	2	3,22

Bảng 1 cho thấy, đa số các hộ tham gia phỏng vấn đều nhận thấy được những hạn chế của “mô hình”. Việc các tàu thuyền chở du khách đến tham quan bè cá, chạy với tốc độ cao; du khách lên bè với tần số lớn sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường sinh sống của cá, làm chúng stress, giảm ăn, trở nên chậm lớn. Đây là hạn chế được các hộ nuôi chọn nhiều nhất (96,77%).

Không chỉ cá nuôi bị ảnh hưởng mà môi trường nước cũng bị ảnh hưởng, khi các tàu thuyền vận chuyển du khách gặp sự cố về máy móc, trong quá trình sửa chữa xả thải dầu nhớt ra môi trường. Ngoài ra, ý thức của du khách đôi lúc cũng còn thấp, xả rác bừa bãi xuống sông làm ô nhiễm nguồn nước. Bên cạnh đó, không chỉ du khách mà các hộ nuôi có kết hợp với du lịch do gia đình tự tổ chức cũng chưa ý thức được tác hại của việc xả rác xuống sông bừa bãi có thể làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Nhóm hạn chế này có tỷ lệ chọn là 12,9% (Bảng 1).

Mất trộm tài sản là hạn chế thứ ba được 9,68% các hộ tham gia phỏng vấn nhận thấy. Đôi khi sự lơ là, không đề phòng của chủ hộ hay du khách cũng là một mối nguy mất mát cho những tài sản có giá trị như điện thoại di động, laptop mini hoặc những tài sản có giá trị khác.

An ninh trật tự, cũng là một vấn đề được các hộ nuôi cá quan tâm đánh giá. Những hộ tham gia kết hợp với du lịch thường tổ chức nấu ăn hay dịch vụ cung cấp nước uống phục vụ cho du khách tại bè cũng gây ồn ào, ảnh hưởng đến các hộ xung quanh. Những vấn đề phát sinh khi ăn nhậu của du khách như tranh cãi, gây gỗ sẽ làm ảnh hưởng đến hộ khác và làm mất an ninh trật tự. Hạn chế này có tỷ lệ chọn là 6,45% (Bảng 1).

Bên cạnh những hạn chế nói trên, Bảng 1 còn cho thấy, có một nhóm “hạn chế khác” được các hộ chọn với tỷ lệ nhỏ (3,22%), họ cho biết mỗi lần khách lên tham quan bè đông, nên quá trình tiếp khách thường tốn nhiều thời gian, chủ hộ bị mệt mỏi và ảnh hưởng đến thời gian chăm sóc đàn cá nuôi.

Ngoài ra, còn có một tỷ lệ với 3,22% số hộ phỏng vấn không biết “mô hình” có hạn chế hay không và những hộ này là những hộ nuôi cá chưa kết hợp với du lịch (Bảng 1).

3.1.2. Ý kiến về hạn chế của “mô hình” theo từng nhóm hộ nuôi cá

Số liệu điều tra được tách riêng thành 2 nhóm

hộ (đã kết hợp với du lịch và chưa kết hợp với du lịch) để phân tích sâu hơn về những hạn chế của “mô hình”, từ đó để tìm ra các giải pháp để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của “mô hình” trong thời gian tới.

Kết quả điều tra cho thấy, phần lớn các hộ của 2 nhóm đều nhận thấy khá tốt những hạn chế cụ thể của mô hình. Đối với hạn chế “cá nuôi chậm lớn” thì 2 nhóm hộ đều đánh giá đây là 1 hạn chế lớn của mô hình, vì thế mà số hộ chọn rất cao (100% đối với hộ đã kết hợp với du lịch và 95,8% đối với hộ chưa kết hợp với du lịch) và sự đánh giá này khác biệt không có ý nghĩa ($p > 0,05$) giữa 2 nhóm hộ (Bảng 2). Điều này chứng tỏ “cá nuôi chậm lớn” là 1 hạn chế lớn cần phải quan tâm tìm giải pháp để khắc phục khi áp dụng hoặc nhân rộng “mô hình”.

Bảng 2. Những hạn chế của “mô hình” qua ý kiến của 2 nhóm hộ nuôi cá

Hạn chế của “mô hình”	Hộ đã kết hợp với du lịch		Hộ chưa kết hợp với du lịch	
	Tần số (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tần số (hộ)	Tỷ lệ (%)
Cá nuôi chậm lớn	14	100	46	95,8
Gia tăng sự ô nhiễm nước	4	28,6	4	8,3
Mất trộm tài sản	3	21,4	3	6,2
Phát sinh vấn đề về an ninh trật tự	2	14,3	2	4,2
Hạn chế khác	1	7,1	1	2,1

Bảng 2 còn cho thấy, ý kiến về “gia tăng sự ô nhiễm nước” giữa 2 nhóm hộ là khác biệt có ý nghĩa ($p < 0,05$). Nhóm hộ đã kết hợp với du lịch nhận thấy hạn chế này nhiều hơn nhóm hộ chưa kết hợp (28,6% so với 8,3%), bởi vì các hộ đã kết hợp với du lịch thì những hoạt động làm gia tăng ô nhiễm nước thường gắn liền với cuộc sống tại bè cá của họ, nên họ dễ dàng nhận thấy hơn so với những hộ chưa kết hợp.

3.1.3. Mức độ ảnh hưởng của những hạn chế trong “mô hình”

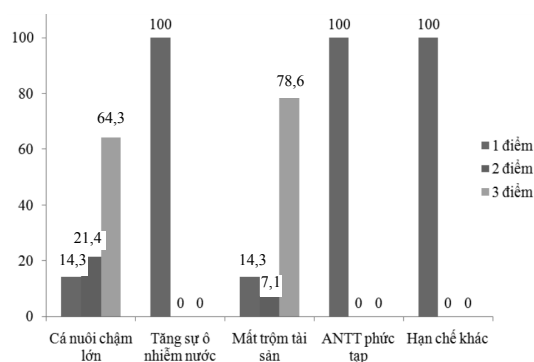
Nghiên cứu cũng tiến hành phân tích sâu hơn trong sự đánh giá của hộ nuôi cá về mức độ ảnh hưởng của những hạn chế ở “mô hình”, qua đó xác định những hạn chế nào có ảnh hưởng lớn, hạn chế nào có mức độ tác động nhỏ, nhằm đề xuất các giải pháp thích hợp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt

động của “mô hình” trong tương lai. Mức độ ảnh hưởng của những hạn chế trong “mô hình” được các hộ nuôi đánh giá thông qua phương pháp chấm điểm, điểm số được các hộ đánh giá từ 1-3 điểm và nó tỷ lệ thuận với mức độ ảnh hưởng (Bảng 3).

Bảng 3. Mức độ ảnh hưởng của những hạn chế trong “mô hình”

STT	Hạn chế của “mô hình”	Điểm đánh giá (Điểm càng cao thì mức độ ảnh hưởng càng lớn)
1	Cá nuôi chậm lớn	2,64 ± 0,16
2	Mất trộm tài sản	2,28 ± 0,24
3	Tăng sự ô nhiễm nước	1,00 ± 0,00
4	An ninh trật tự phức tạp	1,00 ± 0,00
5	Hạn chế khác	1,00 ± 0,00

Ghi chú: Số liệu trong bảng là giá trị trung bình và sai số chuẩn.



Hình 1. Biểu đồ thể hiện mức độ ảnh hưởng của những hạn chế trong “mô hình”

Ghi chú: ANTT: an ninh trật tự.

Hạn chế “cá nuôi chậm lớn” được các hộ đánh giá có mức độ ảnh hưởng lớn (số hộ chọn 3 điểm chiếm 64,3% (Hình 1) và trung bình 2,64 điểm (Bảng 3)), bởi vì theo họ thì việc tàu thuyền chạy với tốc độ cao khi ghé bè hoặc du khách đi lại đông đúc trên bè sẽ làm cá nuôi nhút nhát, giảm ăn từ đó chậm lớn, thời gian nuôi kéo dài hơn so với bình thường, điều này gây ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả kinh tế của hộ nuôi.

Tương tự như hạn chế “cá nuôi chậm lớn”, thì “mất trộm tài sản” cũng là hạn chế được các hộ đánh giá có mức độ ảnh hưởng rất lớn (số hộ chọn 3 điểm chiếm 78,6% (Hình 1) và trung bình 2,28 điểm (Bảng 3)) và họ cho biết, chỉ một phút lơ là thì chủ hộ có thể bị mất nhiều tài sản có giá trị như điện thoại di động, laptop mini và các tài sản

có giá trị khác. Do đó, để “mô hình” tiếp tục phát triển, thì người nuôi cá, công ty tổ chức du lịch và các bên có liên quan cần tìm ra các giải pháp tối ưu để khắc phục các hạn chế này.

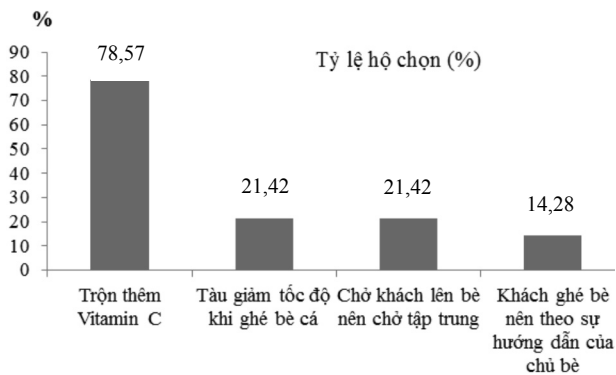
Ngược lại với 2 hạn chế đã nêu, thì các hạn chế như “tăng sự ô nhiễm nước”, “an ninh trật tự phức tạp” và “hạn chế khác” được các hộ dân đánh giá có mức độ ảnh hưởng thấp (số hộ đánh giá 1 điểm chiếm 100%), bởi vì họ cho rằng các hạn chế này rất ít xảy ra, hoặc nếu có xảy ra thì mức độ ảnh hưởng cũng không lớn.

3.2. Một số giải pháp để khắc phục những hạn chế của “mô hình”

3.2.1. Các giải pháp khắc phục những hạn chế của “mô hình”

Nghiên cứu đã ghi nhận một số ý kiến mà hộ nuôi cá đã đề xuất nhằm khắc phục những hạn chế của “mô hình”, khi tiếp tục áp dụng “mô hình” hoặc nhân rộng “mô hình” trong thời gian tới.

Đối với hạn chế “cá nuôi chậm lớn” thì các hộ nuôi đã đề xuất một số giải pháp để khắc phục như cho cá ăn thêm vitamin C, giảm tốc độ tàu khi ghé bè, nên chờ khách lên bè một cách tập trung và du khách khi đi tham quan bè nên tuân theo sự hướng dẫn của chủ bè (Hình 2).



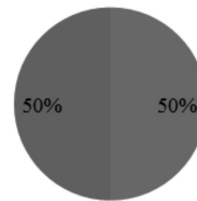
Hình 2. Biểu đồ thể hiện những giải pháp để khắc phục hạn chế “cá nuôi chậm lớn”

Hình 2 cho thấy, giải pháp trộn thêm vitamin C cho cá ăn để giảm stress, hỗ trợ sức khỏe được các hộ nuôi đề xuất nhiều nhất với 78,57%, điều này cho thấy các hộ nuôi rất quan tâm đến sức khỏe cá vì cá nuôi chậm lớn sẽ kéo dài thời gian nuôi làm ảnh hưởng xấu đến lợi nhuận của họ. Một nguyên nhân nữa làm cá bị stress là việc các tàu thuyền ghé bè với tốc độ cao, vì vậy các hộ nuôi đã đề nghị các tàu thuyền khi chờ khách du lịch ghé tham quan

bè cá nên chạy với tốc độ thấp (chiếm 14,28%) để tránh làm ảnh hưởng đến cá. Giải pháp chờ khách lên bè nên chờ tập trung và du khách khi ghé tham quan bè nên tuân theo sự hướng dẫn của chủ bè, có cùng một tỷ lệ hộ đề xuất là 21,42%, các hộ này cho biết nếu khách lên bè chia ra nhiều nhóm nhỏ với tần số ghé thăm lớn và không tuân theo sự hướng dẫn của chủ bè thì sẽ ảnh hưởng đến cá nuôi của họ cho nên họ có đề xuất như trên để hoạt động tham quan của du khách ít tác động nhất đến đàn cá nuôi trong bè.

Ngoài ra, kết quả điều tra còn cho biết, đối với hạn chế “gia tăng sự ô nhiễm nước” của mô hình, thì ý kiến du khách phải nâng cao ý thức giữ vệ sinh môi trường, không vứt rác xuống sông được 100% các hộ đề xuất. Họ cho biết nếu du khách giữ được ý thức tốt và không xả rác xuống sông thì môi trường sẽ ít bị ô nhiễm. Hạn chế “mất trộm tài sản” cũng được 100% các hộ nuôi đề xuất ý kiến để khắc phục, các đề xuất đó là chủ bè nên giữ gìn những tài sản có giá trị cẩn thận hơn, không mang xuống bè cá hoặc để trong tủ có khóa cẩn thận nhằm tránh xảy ra mất mát.

- Khách không nhậu quá khuya
- Du khách phải thể hiện tính lịch sự sau khi ăn tiệc



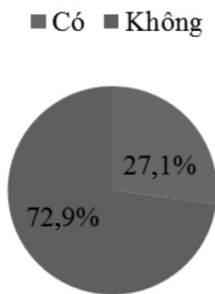
Hình 3. Biểu đồ thể hiện ý kiến đề xuất của những hộ nuôi cá để khắc phục hạn chế “an ninh trật tự phức tạp”

Riêng hạn chế “an ninh trật tự phức tạp” thì có 50% các hộ nuôi kiến nghị du khách không ăn nhậu quá khuya để tránh làm mất an ninh trật tự của khu vực; bên cạnh đó có 50% các hộ nuôi đề xuất du khách phải thể hiện tính lịch sự khi ăn tiệc tại bè như không tranh cãi, gây gổ làm ồn ào, ảnh hưởng đến những hộ nuôi cá xung quanh, đề nghị này chủ yếu xuất phát từ nhóm hộ kết hợp với du lịch bằng hình thức gia đình tự tổ chức, bởi vì hạn chế này gắn liền với hoạt động, dịch vụ hàng ngày của họ nên họ dễ dàng nhận thấy và đề xuất được các giải pháp cụ thể (Hình 3).

3.2.2. Nhóm giải pháp đối với các công ty du lịch

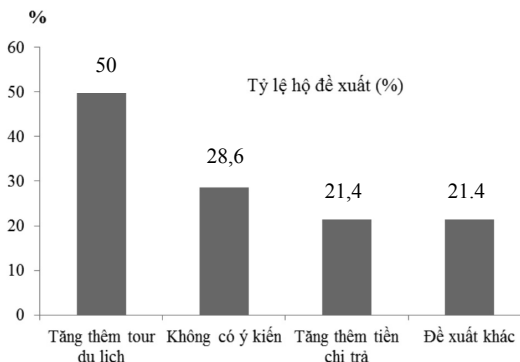
Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của các hộ nuôi cá chưa kết hợp với du lịch, về sự chào mời tham gia “mô hình” của các công ty du lịch đối với họ, qua đó nhằm đánh giá những mong muốn, cũng như khả năng chào mời tham gia “mô hình” để mở rộng địa điểm tham quan cho các công ty du lịch và nhu cầu tham quan của du khách (Hình 4).

Hình 4 cho thấy, có 27,1% số hộ nuôi cá cho biết, họ được các công ty du lịch ghé mời họ tham gia “mô hình” bởi vì các công ty cũng muốn thuyết phục họ tham gia mô hình để đôi bên cùng có lợi. Bên cạnh đó, có 72,9% số hộ nuôi không được các công ty du lịch ghé chào mời tham gia mô hình, mà theo họ thì nguyên nhân có thể là do bè nuôi của họ còn sơ khai chưa đảm bảo an toàn cho du khách nên chưa được các công ty quan tâm chào mời.



Hình 4. Biểu đồ thể hiện sự chào mời các hộ nuôi cá tham gia “mô hình” của các công ty du lịch

Với mục đích cùng nhau phát triển, đôi bên cùng có lợi, góp phần nâng cao hiệu quả và tăng tính thu hút nhiều nông hộ nuôi cá tham gia nhân rộng “mô hình” trong thời gian tới, các hộ nuôi cá đã kết hợp với du lịch cũng đã đề xuất một số giải pháp đối với các công ty du lịch. Những kiến nghị này được thể hiện ở Hình 5.



Hình 5. Biểu đồ thể hiện đề xuất của người nuôi cá đối với các công ty du lịch để nâng cao hiệu quả của “mô hình”

Hình 5 cho thấy, ý kiến tăng thêm tour du lịch được sự quan tâm cao của các hộ nuôi với 50% số hộ đề xuất, bởi vì các hộ nuôi cá đã kết hợp với du lịch luôn muốn có thêm tour du lịch để tăng thu nhập cho gia đình, vì lợi ích từ mô hình đối với họ là rất lớn. Bên cạnh đó, có 21,4% hộ nuôi cá đề xuất các công ty du lịch nên tăng số tiền chi trả cho họ khi có du khách đến tham quan bè, những hộ có đề nghị này là những hộ muốn có thêm tiền để trang trải cho cuộc sống gia đình và số tiền mà họ nhận được trước đây không nhiều so với quỹ thời gian mà họ bỏ ra để tiếp khách.

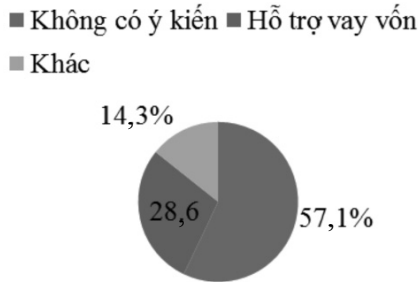
Cùng tỷ lệ 21,4% với đề xuất “tăng thêm tiền chi trả” là các giải pháp “khác” (Hình 5) như chia đoàn khách thành nhiều nhóm nhỏ để tiện lên bè; các công ty du lịch cần tăng cường quảng bá, chào mời du khách; hướng dẫn viên cần tư vấn cho du khách tốt hơn về các kỹ năng khi tiếp xúc với đàn cá nuôi. Những hộ đưa ra đề xuất này là những hộ cho rằng, thời gian qua có rất nhiều đoàn khách tham quan khu vực lồng bè, nhưng họ chỉ chạy thuyền tham quan dòng sông, chụp ảnh các lồng bè, chứ không tiếp xúc với bè cá; và khi du khách lên bè thì sự hướng dẫn của các hướng dẫn viên chưa thật chu đáo, để du khách tập trung ở một góc bè, góc bè bị ngập nước, làm cá nuôi của họ thoát ra ngoài.

Ngoài ra có 28,6% (Hình 5) các hộ nuôi không có đề xuất đối với các công ty du lịch để nâng cao hiệu quả của “mô hình”, bởi vì thu nhập từ việc kết hợp với du lịch mang lại cho họ không nhiều. Phần lớn những hộ không có đề xuất là những hộ mới kết hợp với du lịch từ 1-2 năm hoặc chỉ kết hợp với các công ty du lịch dưới một hình thức là cho du khách lên tham quan bè cá để nhận tiền thù lao từ các công ty du lịch và số tiền mà họ thu được từ các công ty du lịch, du khách cũng không đáng kể.

3.2.3. Nhóm giải pháp đối với các cơ quan nhà nước

Mục đích của việc khảo sát này nhằm đánh giá mức độ quan tâm, khuyến khích và chính sách hỗ trợ của cơ quản lý về hoạt động du lịch đối với “mô hình” này tại địa phương. Qua khảo sát ý kiến của các hộ nuôi cá đã kết hợp với du lịch được thể hiện ở Hình 6, nhìn chung thì các hộ nuôi ngại cho ý kiến với các cơ quan nhà nước, có 57,1% các hộ nuôi không có ý kiến. Tuy nhiên, cũng có nhiều

hộ nuôi rất tâm huyết với “mô hình” này và họ đã đề xuất một số giải pháp như “hỗ trợ vay vốn” (chiếm 28,6%) và một số giải pháp “khác” như thí điểm đánh giá hiệu quả của “mô hình” ở một vài hộ để nhân rộng ra các hộ xung quanh, hỗ trợ thủ tục và hướng dẫn quy trình để thực hiện “mô hình” (chiếm 14,3%).



Hình 6. Biểu đồ thể hiện đề xuất của người dân đối với các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả của “mô hình”

Có 28,6% các hộ khảo sát đề nghị được hỗ trợ vay vốn với chính sách ưu đãi như lãi suất thấp hay không cần phải thế chấp tài sản. Trong bất kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh nào cũng đều cần có một nguồn vốn nhất định, đặc biệt với mô hình nuôi cá bè kết hợp với du lịch thì cần có một lượng vốn rất lớn để đầu tư mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho việc nuôi cá, xây dựng các bè nuôi được kiên cố hơn và mua sắm các vật dụng khác (cần câu, bàn ghế...) phục vụ cho hoạt động du lịch. Vì vậy người nuôi cá thường thiếu vốn sản xuất, giải pháp của họ thường là đi vay vốn, cho nên đề xuất này được người dân đề nghị cao nhất.

Bên cạnh đó, có 14,3% các hộ nuôi đưa ra các giải pháp “khác” (Hình 6) như thí điểm đánh giá

hiệu quả của “mô hình” ở một vài hộ tiêu biểu, để thấy rõ hơn về tính hiệu quả, dễ dàng nhân rộng ra các hộ xung quanh, từ đó tạo được sự liên kết, góp phần nâng cao hiệu quả của “mô hình” tại khu vực nuôi cá lồng bè của thành phố Mỹ Tho. Giải pháp nhà nước phải “hỗ trợ các thủ tục hành chính một cách thuận lợi”, “có quy hoạch chi tiết” và “hướng dẫn quy trình thực hiện một cách cụ thể” là ý kiến đề xuất của nhiều hộ nuôi nằm trong nhóm giải pháp “khác”, với mong muốn “mô hình” được nhân rộng dễ dàng và khi áp dụng thì sẽ đạt được hiệu quả cao nhất, vừa mang lại lợi nhuận, vừa tạo được mỹ quan đô thị, đồng thời bảo vệ được môi trường và hệ sinh thái tại địa phương.

4. Kết luận

Mô hình nuôi cá bè kết hợp với du lịch tại Mỹ Tho đang gặp phải một số hạn chế nhất định, có 96,78% các hộ khảo sát đã thấy được những khó khăn của mô hình, trong đó chủ yếu là cá nuôi chậm lớn (96,77%), gia tăng sự ô nhiễm nguồn nước (12,9%) và mất trộm tài sản (có 9,65%).

Những hộ nuôi cá cũng đề xuất một số giải pháp góp phần khắc phục các mặt tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động của “mô hình” trong thời gian tới, như can thiệp kỹ thuật vào quy trình nuôi cá, thay đổi phương thức hoạt động của các dịch vụ và nâng cao ý thức của du khách. Tuy nhiên, về phía các nhà khoa học và các cơ quan chức năng tại địa phương cần có những nghiên cứu sâu hơn nữa về một số giải pháp, để khắc phục những mặt hạn chế hiện nay của “mô hình”, để mô hình nuôi cá bè kết hợp với du lịch thật sự là một mô hình kinh tế mang lại hiệu quả cao, dựa trên những tiềm năng sẵn có của thành phố Mỹ Tho./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thị Bé Ba và cộng tác viên (2013), “Tiềm năng và định hướng phát triển du lịch huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre”, *Tạp chí khoa học - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, (số 49), tr. 180-186.

[2]. Nguyễn Thị Hương Lan (2016), “Du lịch làng nghề - Tiềm năng và định hướng phát triển”, *Tạp chí Giáo dục nghệ thuật Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương*, (số 2), tr. 7-14.

[3]. MMO (Marine Management Organisation) (2013), *Social impacts of fisheries, aquaculture, recreation, tourism and marine protected areas (MPAs) in marine plan areas in England*, A report produced for the Marine Management Organisation, p. 192, MMO Project No: 1035, ISBN: 978-1-909452-19-0.

[4]. Dương Thị Ngọc (2016), *Khảo sát nhận thức của người nuôi cá về sự kết hợp giữa nuôi cá bè với du lịch tại khu vực làng bè nuôi cá thành phố Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang*, Luận văn tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Tiền Giang, Tiền Giang.

[5]. Huỳnh Phú, Trần Anh Thư (2009), *Du lịch sinh thái và bảo tồn môi trường Đồng bằng sông Cửu Long*, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch An Giang.

[6]. Đoàn Văn Re (2016), “Bảo tồn và phát triển làng nghề thủ công truyền thống ở tỉnh Tiền Giang”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Nghiên cứu văn hóa dân gian tại tỉnh Tiền Giang*, Trường Đại học Tiền Giang, tr. 165-177.

[7]. Phạm Quốc Sử (2007), *Phát triển du lịch làng nghề - Nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Tây*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

[8]. Huỳnh Công Tín, Hoàng Thị Ánh Tuyết (2014), “Làng nghề truyền thống Đồng bằng sông Cửu Long trong quá trình hiện đại hóa”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Làng nghề truyền thống và phát triển du lịch 2014*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.

[9]. Vũ Thị Kiều Trinh (2012), *Định hướng phát triển du lịch tại làng nghề cây cảnh xã Nam Điền huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định*, Luận văn tốt nghiệp Đại học, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.

PROBLEMS AND SOLUTIONS TO FISH CAGE-CULTURE WITH COMBINED TOURISM MODEL IN MY THO CITY, TIEN GIANG PROVINCE

Summary

In addition to major benefits, the fish cage-culture with combined tourism model in My Tho is facing problems. The research results showed that major problems include slow-growth fish (96.77%), water resource pollution increase (12.9%) and properties stolen (9.65%). Fish farmers suggested solutions to help the model improve in the future such as technical intervention in the fish-farming procedure, service format changes and tourists' awareness increase. This study is the first on the fish cage-culture with combined tourism model in Tien Giang.

Keywords: Fish cage, tourism, My Tho, fish farming.

Ngày nhận bài: 17/3/2017; Ngày nhận lại: 24/5/2017; Ngày duyệt đăng: 15/8/2017.